TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2023/DS-PT
Ngày: 08/5/2023
V/v: "Tranh chấp đòi tài sản là QSD đất; Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở QSD đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp
2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Cao Thị Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 685/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, về việc: "Tranh chấp đòi tài sản là QSD đất; Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở QSD đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất", giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Lê Tuấn A**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: khóm ĐT X, phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang (Có mặt).

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: khóm ĐT X, phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Đức K, VPLS Nguyễn Đức K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1951; Nơi cư trú: ấp LT, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông X: Luật sư Nguyễn Đức K, Văn phòng luật sư Nguyễn Đức K thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2/ Bà Võ Thị Lệ N, sinh năm 1957; Nơi cư trú: phường ĐX, TP LX, tỉnh An Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L (Đ), sinh năm 1963; Nơi cư trú: khóm ĐT X, phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang (Có mặt);

4/ Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P; Địa chỉ trụ sở: phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H.

5/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1; Địa chỉ: phường BK, TP LX, tỉnh An Giang.

6/ Bà Lưu Thị Lài A2, sinh năm 1988.

7/ Bà Lưu Thị Lài T, sinh năm 1990.

8/ Cháu Nguyễn Đăng K1, sinh năm 2012, Người đại diện hợp pháp: Bà Lưu Thị Lài A2; Cùng nơi cư trú: khóm ĐT X, phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Lê Tuấn A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn ông Lê Tuấn A trình bày:

Nguồn gốc tài sản nhà đất tranh chấp là tài sản riêng của bà nội ông là bà Nguyễn Thị K2 (K2) và ông sống chung cùng với bà K2, bà M, gia đình bà L.

Năm 2010, bà K2 lập di chúc để lại nhà đất cho ông và đến năm 2016 thì bà K2 chết.

Nay căn cứ vào di chúc của bà Nguyễn Thị K2 do Phòng Công chứng số 1 chứng nhận ngày 02/8/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS09502 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/2016 mang tên Lê Tuấn A nên ông khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Võ Thị Lệ N và các con của bà M: Lưu Thị Lài A2, Lưu Thị Lài T và cháu Nguyễn Đăng K1 chấm dứt hành vi cản trở để ông được quản lý sử dụng căn

nhà, đất và có trách nhiệm trả cho ông căn nhà và đất tọa lạc tại phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang mà ông đã được đứng tên.

Đối với yêu cầu của bà M, ông X, bà L và bà N về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ông đang đứng tên, ông không đồng ý, do theo ông đây là tài sản riêng của bà K2, khi lập di chúc bà còn khỏe mạnh và trong nhà không có phủ thờ, chỉ có thờ ông bà cóc, bà K2 và cha mẹ ông, việc cúng kiến thỉnh thoảng có cúng nhưng không thường xuyên, về di chúc viết tay của bà K2 năm 2003 là do con cháu có mâu thuẫn nên bà K2 phải viết ra để giải quyết mâu thuẫn. Ông thừa nhận đã rải hài cốt của bà K2 xuống sông do hài cốt thờ cúng đã quá lâu và có hỏi ý cô bác trong gia đình.

Đối với yêu cầu độc lập của Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P, ông xác định ông có vay 100.000.000 đồng của Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P bằng cách thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà đang tranh chấp, hiện còn nợ 50.000.000 đồng tiền nợ gốc, mỗi tháng đều trả lãi. Khoản vay này hiện đã quá hạn thanh toán năm 2020. Ông đồng ý tự chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P.

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Nguồn gốc tài sản tranh chấp là việc bà Nguyễn Thị K2 (K2) thừa hưởng từ bà ngoại Võ Thị L1 nhà đất tại phường MX, TP LX khi đó ở cùng với các con.

Năm 2003, bà K2 chuyển nhượng nhà đất tại phường MX, TP LX và mua nhà đất tại số 13R3 tại phường Mỹ P từ bà Y. Thời điểm đó, chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, bà K2 cùng 5 người con gồm: X, M, T, L và N đã thỏa thuận xác định nhà đất số 13R3 phường Mỹ P là tài sản thờ cúng (phủ thờ), tài sản chung tới lui để con cháu khi cần và thờ cúng chung của gia đình. Cụ thể, bà K2 và các con đã lập Tờ di chúc ngày 01/11/2003 có bà Nguyễn Thị K2 và 5 người con cùng ký tên và có xác nhận của tổ trưởng ngày 05/11/2003, của trưởng khóm Đông A3 ngày 10/11/2003 xác định đây là phủ thờ của gia đình con cháu ai không có chỗ ở thì được về ở, có chữ ký của ông T1 là cha của ông Tuấn A thống nhất ký tên.

Trước khi xảy ra tranh chấp có bà K2, bà L, bà M, ông T1 và ông Tuấn A cùng sinh sống trong chung nhà. Hiện nay trong nhà có bà M, bà L, 2 người con của bà M là Lưu Thị Lài A1 sinh năm 1988, Lưu Thị Lài T sinh năm 1990, Nguyễn Đăng K1 sinh năm 2012. Bà Lài A1, Lài T, Mỹ L trước đây chỉ có tên

trong sổ hộ khẩu nhưng thực tế không sống trong căn nhà từ năm 2016, đến tháng 10/2021 thì Lài A1, Lài T, mới trở về sinh sống chung trong nhà. Cháu Đăng K2 chưa có tên trong hộ khẩu, hiện nay sinh sống chung trong nhà.

Nay bà M không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì tài sản này là của chung mẹ bà là bà Nguyễn Thị K2 cùng 05 người con gồm: Lê Hồng T1, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L, Võ Thị Lệ N và Nguyễn Văn X, nhưng để bà Nguyễn Thị K2 đứng tên trên giấy. Tài sản này mẹ bà cùng anh em trong gia đình thống nhất để làm phủ thờ.

Nay bà vẫn tiếp tục yêu cầu dùng căn nhà này làm phủ thờ chung để anh em có nơi thờ cúng. Bà cùng ông X, bà N, bà L hoàn toàn không có hành vi cản trở như Tuấn A trình bày, trước giờ bà đều sinh sống trong căn nhà này. Việc Tuấn A cho rằng đây là tài sản của bà K2 cho Tuấn A thì bà không đồng ý vì thời điểm lập di chúc năm 2010 mẹ bà đã 80 tuổi, bệnh và hạn chế đi lại nên việc lập di chúc theo bà là không minh bạch, có nhiều uẩn khúc, các anh chị em của bà không biết việc lập di chúc này cũng như việc Tuấn A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi xảy ra tranh chấp mới biết được sự việc.

Ngoài ra, Tuấn A là cháu do bà trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ nhưng cư xử vô lễ, bất kính với bà ngoại và cô chú, đặc biệt đã có hành vi lấy trộm hài cốt của bà K2 đang thờ cúng tại nhà đem vứt bỏ không tìm thấy. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CS09502 do Sở Tài nguyên và Môi trường A1 cấp ngày 29/9/2016 mang tên Lê Tuấn A.

Về yêu cầu độc lập của Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P, bà không có ý kiến vì đây là khoản nợ riêng của ông Tuấn A, ông Tuấn A chịu trách nhiệm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn X, bà Võ Thị Lệ N bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà M.

Bà Lưu Thị Lài A2 và Lưu Thị Lài T trình bày: Hai bà sống từ nhỏ tại nhà đất đang có tranh chấp, đến năm 2019 dọn ra ngoài ở thuê, nhưng đến năm 2021 do dịch bệnh khó khăn nên đã trở lại sinh sống cùng với bà L, bà M. Hai bà không có yêu cầu hay ý kiến tranh chấp gì trong vụ án và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1 có văn bản trình bày:

Ngày 02/7/2004, bà Nguyễn Thị K2 được UBND thành phố LX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 01601QSDĐ/eA với diện tích 56m^2, đất ở đô thị có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 5001050640 với diện tích xây dựng 56m^2, diện tích sàn 116,28m^2 tại phường Mỹ P, TP LX.

Đến ngày 07/9/2016, ông Lê Tuấn A nhận thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nêu trên theo văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc được Phòng Công chứng số Y tỉnh An Giang chứng nhận cùng ngày và người sử dụng đất liên hệ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố LX để thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Trên cơ sở Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của ông Lê Tuấn A và Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc được Phòng Công chứng số Y tỉnh An Giang chứng nhận. Ngày 22/9/2016, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh LX chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận để thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông Lê Tuấn A.

Do chủ sở hữu có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nên Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông Lê Tuấn A với diện tích đất 56m^2, đất ở tại đô thị, diện tích sàn 116,3m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở có số vào sổ CS09502 cấp ngày 29/9/2016.

Căn cứ quy định pháp luật đất đai, việc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo yêu cầu của ông Lê Tuấn A là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P do ông H đại diện theo ủy quyền trình bày: Trước đây Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ P có ký kết với ông Lê Tuấn A Hợp đồng cho vay số 3353/11/19/HĐCV ngày 19/11/2019 với số tiền vốn 100.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng (từ 19/11/2017 đến ngày 19/01/2021). Ông Tuấn A có thế chấp tài sản nhà đất số 13R3 phường Mỹ P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất số 3165/11/18/HĐTC ngày 01/11/2018.

Đến thời điểm này, ông Tuấn A đã trả được vốn 50.000.000 đồng và số tiền lãi hàng tháng nên Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ Phước xác định ông Lê Tuấn A chỉ còn nợ vốn gốc 50.000.000 đồng, không còn nợ lãi. Do đó, yêu cầu ông Lê Tuấn A trả số tiền nợ vốn gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi

thanh toán xong (nếu có) để Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ P thu hồi vốn lãi theo Hợp đồng cho vay số 3353/1l/19/HĐCV vì đã quá hạn. Và tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất số 3165/11/18/HĐTC ngày 01/11/2018 để đảm bảo thi hành án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã tuyên xử:

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn A về việc buộc phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Võ Thị Lệ N và các con của bà L (bà Lưu Thị Lài A2, bà Lưu Thị Đài T, cháu Nguyễn Đăng K1), có trách nhiệm trả lại cho ông căn nhà và đất tọa lạc tại số 13R3 khóm ĐT X, phường Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang và chấm dứt hành vi cản trở để ông được quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên, theo Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS09502 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1 cấp ngày 29/9/2016 mang tên ông Lê Tuấn A.

2/ Chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, bà Võ Thị Lệ N, bà Nguyễn Thị Mỹ L. Hủy Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS09502 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1 cấp ngày 29/9/2016 mang tên ông Lê Tuấn A.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ P, buộc ông Lê Tuấn A phải trả số tiền 31.690.200đồng (gồm vốn 30.000.000 đồng, lãi tính đến 30/9/2022 1.690.200đồng), theo Hợp đồng vay số 3353/11/19/HĐCV ngày 19/11/2019 giữa Quỹ tính dụng nhân dân Mỹ P và ông Lê Tuấn A.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/9/2022, ông Lê Tuấn A làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn, yêu cầu phúc xử lại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn ông Lê Tuấn A vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông cho rằng di chúc được xác lập của bà nội ông là bà K2 (K2) lập vào năm 2010 được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật và hợp pháp, được công chứng, chứng thực và ông đã thực hiện việc chuyển tên và chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi giấy mới theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đòi phía bị đơn không được ngăn chặn ông thực hiện những quyền của mình và đồng thời yêu cầu phía bị đơn phải trả lại tài sản cho ông.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng trong quá trình thực hiện việc công chứng mẹ của phía bị đơn là bà K2 đã già yếu, không minh mẫn. Ngoài ra, đây là tài sản chung giữa mẹ bà là bà K2 với 5 người con, thì bà K2 không có quyền đối với việc cho, tặng toàn bộ tài sản nêu trên cho Lê Tuấn A. Án sơ thẩm giải quyết bác yêu cầu của nguyên đơn là đúng, đề nghị y án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ cho phía bị đơn cũng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía ông Lê Tuấn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:*

Đơn kháng cáo của ông Lê Tuấn A làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo thì thấy:*

[2.1] Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1930, chết năm 2016, bà có 5 người con là ông Nguyễn Văn X, bà Võ Thị Lệ N, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Lê Hồng T1.

Ông T1 chết năm 2019 là cha của nguyên đơn ông Lê Tuấn A.

Ngày 01/11/2003, bà K2 lập di chúc có nội dung: Bà K2 xác nhận nhà 13R3 phường Mỹ P là căn nhà chung để làm nhà phủ thời, sau này khi bà K2 qua đời thì bà M giữ gìn phủ thờ.

Căn cứ nội dung di chúc đã xác định, bà K2 đã tự nguyện xác định căn nhà là nơi phủ thờ và tài sản chung của bà K2 và 5 người con. Đồng thời tất cả 5 người con cũng đã đồng ý ký tên vào thỏa thuận nêu trên và nói rõ đây là tài sản được mua từ nguồn tiền bán căn nhà chung ở phường MX, sau khi chia tiền thì còn lại để mua căn nhà 13R3 phường Mỹ P nêu trên.

Thời điểm lập tờ di chúc trên, bà K2 chưa hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng nhà đất, tờ di chúc có phần tiêu đề ghi là di chúc nhưng nội dung và văn bản thỏa thuận xác lập tài sản chung giữa bà K2 và 5 người con đến ngày 10/02/2004 bà K2 mới ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán nhà với bà Lê Thị Y, trong đó nêu rõ thời điểm giao đất và nhà là ngày 22/11/2003, việc thỏa thuận nhà đất nêu trên là tài sản chung đã được xác lập trước thời điểm giao kết hợp đồng chính thức.

Đến ngày 02/7/2004, bà K2 được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01601 diện tích 56m² và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 5001050640 với diện tích xây dựng là 56m², diện tích sàn là 116,28m². Nhà và đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Y.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định lời khai của ông X, bà M, bà N, bà L về việc sau khi thỏa thuận nhà đất thì tài sản trên đã trở thành tài sản chung dùng làm nơi phủ thờ của gia đình. Bà K2 chỉ là người đứng ra đại diện giao dịch, đứng tên nhận chuyển nhượng nhà đất nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[2.3] Đến ngày 02/8/2010, bà K2 tiếp tục lập di chúc tặng cho ông Tuấn A (là cháu nội bà K2 và là con của ông Lê Hồng T1) gồm nhà, đất nêu trên trong khi bà không có toàn quyền định đoạt đối với tài sản trên.

Ngày 29/9/2016, ông Tuấn A được Sở Tài nguyên Môi trường A1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số CS09502 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho ông Lê Tuấn A là chưa đúng đối tượng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn, hủy giấy chứng nhận nêu trên và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4] Trong vụ việc này, tài sản chung là nhà đất tranh chấp thuộc sở hữu chung của bà K2 và 5 người con. Bà K2 chỉ có quyền định đoạt đối với một phần tài sản thuộc sở hữu chung, nên việc bà cho tặng đối với toàn bộ nhà đất cho ông Lê Tuấn A là không phù hợp, mà lẽ ra bà chỉ có quyền tặng cho đối với phần sở hữu của bà.

Tuy nhiên, ông Lê Tuấn A không có tranh chấp tài sản chung mà chỉ yêu cầu đòi lại toàn bộ nhà đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tuấn A là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Trường hợp nếu ông có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung thì ông có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.5] Tại cấp phúc thẩm, ông Lê Tuấn A kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật thi hành.*

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do không được chấp nhận kháng cáo, nên ông Lê Tuấn A phải chịu theo luật định.

Bởi các lẽ trên,
Căn cứ Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tuấn A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 40, 147, 157, 158, 165, 166, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 166, 169, 317, 327, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 166, 167 Luật Đất đai 2013; Áp dụng Nghị quyết của Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án; Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn A về việc buộc phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Võ Thị Lệ N và các con của bà L (bà Lưu Thị Lài A2, bà Lưu Thị Đài T, cháu Nguyễn Đăng K1), có trách nhiệm trả lại cho ông căn nhà và đất tọa lạc tại số 13R3 khóm ĐT X, phường

Mỹ P, TP LX, tỉnh An Giang và chấm dứt hành vi cản trở để ông được quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên, theo Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS09502 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1 cấp ngày 29/9/2016 mang tên ông Lê Tuấn A.

2/ Chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, bà Võ Thị Lệ N, bà Nguyễn Thị Mỹ L. Hủy Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS09502 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A1 cấp ngày 29/9/2016 mang tên ông Lê Tuấn A.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ P, buộc ông Lê Tuấn A phải trả số tiền 31.690.200đồng (gồm vốn 30.000.000 đồng, lãi tính đến 30/9/2022 1.690.200đồng), theo Hợp đồng vay số 3353/11/19/HĐCV ngày 19/11/2019 giữa Quỹ tính dụng nhân dân Mỹ P và ông Lê Tuấn A.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Tuấn A chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0000333 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, ông Lê Tuấn A đã nộp xong án phí DSPT.

7/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN